

Bản án số: 45/2024/HC-PT
Ngày: 20-02-2024
V/v: “*Khiếu kiện QĐHC*
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: ông **Nguyễn Chí Công**

ông **Trần Đức Kiên**

- **Thư ký phiên tòa:** ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Phạm Tấn Ánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 270/2023/TLPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 126/2023/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 148/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** ông Hoàng Văn P và bà Trần Thị L. Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Quang H. Địa chỉ: số A đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

- **Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đại T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Trương Văn C - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Võ Quang H1 - Chức vụ: Phó Giám Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Quang H1 - Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/3/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/3/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Hoàng Văn P và bà Trần Thị L trình bày:

Vợ chồng ông, bà là người đang sử dụng thửa đất số 10, tờ bản đồ số 36, diện tích 1.077,2m² tại Tổ H, khối A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc là đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của Nông trường 30/4, thuộc Công ty C1 (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1; sau đây gọi tắt là Công ty C1); Ngày 01/02/1994, gia đình ông, bà ký hợp đồng liên kết số: 48/94/HĐLK với Nông trường 30/4, nhận khoán thửa đất nêu trên để trồng cây Cà phê; Thời hạn thực hiện hợp đồng đến hết ngày 31/12/2008; Năm 2014, UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Công ty C1 giao cho UBND thành phố quản lý, trong đó có thửa đất số 10; Ngày 10/8/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 5426/QĐ-UBND về việc phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B; Gia đình ông, bà được bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất nhưng chưa được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; Chưa được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; Chưa được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại; Chưa được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng. Ông P làm đơn khiếu nại về việc chưa được bồi thường, hỗ trợ các khoản nêu trên; Ngày 10/3/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B ban hành Công văn số: 38/CV-TTPTQĐ trả lời đơn khiếu của ông với nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông. Vì vậy, ông và bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Quyết định số: 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B; Hủy Công văn số: 38/CV-TTPTQĐ ngày 10/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung: Bồi thường cho gia đình ông, bà chi phí đầu tư vào đất còn lại và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng

(hỗ trợ khác). Tại phiên tòa ông, bà L rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng.

** Quá trình tham giải quyết vụ án, người bị kiện là UBND thành phố B trình bày:*

Ông Hoàng Văn P và bà Trần Thị L, sử dụng thửa đất số 10, tờ bản đồ số 36, diện tích 1.077,2m² tại Tổ H, khối A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc là đất của Nông trường 30/4; Năm 1994, ông P ký kết hợp đồng liên kết với Nông trường 30/4, để trồng cây cà phê trên thửa đất số 10 của Nông trường 30/4; Thời hạn thực hiện hợp đồng là hết năm 2008; Việc ông P và bà L khởi kiện yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, là không có căn cứ; Vì thời hạn sử dụng đất của ông P đối với thửa đất số 10 đã hết hạn từ năm 2008; Việc ông P và bà L khởi kiện yêu cầu được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, cũng không có căn cứ để chấp nhận. Vì gia đình ông P sử dụng thửa đất số 10 không phải là đất nhận khoán, mà là đất nhận liên kết đã hết hạn vào năm 2008, nên không đủ điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, khi nhà nước thu hồi đất, được quy định tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Về hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, cũng không đủ điều kiện để hỗ trợ, vì hộ gia đình ông P sử dụng thửa đất số 10, không phải là hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp, được quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật đất đai năm 2013, nên không đủ kiện để được hỗ trợ khác được quy định tại khoản 2 Điều 23 Quyết định số: 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số: 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của Hoàng Văn P và bà Trần Thị L.

** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố B trình bày:*

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Hoàng Văn P về các chính sách hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 36, phường T, thành phố B, mà gia đình ông P đang sử dụng, Chủ tịch UBND thành phố B đã giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B giải quyết đơn khiếu nại của ông P, theo Công văn số: 38/CV-TTPTQĐ ngày 10/3/2023.

** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B trình bày:*

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Hoàng Văn P về việc khiếu nại Quyết định số: 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B, ngày 10/3/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B ban hành Công văn số: 38/CV-TTPTQĐ, trả lời đơn khiếu nại của P là đúng với quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 126/2023/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Hợp đồng liên kết trồng cây Cà phê số: 48/1994/HĐLK được ký kết ngày 31/12/1994 giữa Nông trường 30/4 và ông Hoàng Văn P, đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 36 tại Tổ H, khối A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; điểm đ khoản 1 Điều 19 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn P và bà Trần Thị L.

1. Tuyên hủy một phần Quyết định số: 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B về việc phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B; Hủy Công văn số: 38/CV-TTPTQĐ ngày 10/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hoàng Văn P. Buộc UBND thành phố B, phải ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, cho ông P và bà L, đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 36 theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn P và bà Trần Thị L về việc: Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình ông, bà về chi phí đầu tư vào đất còn lại.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 173 Luật tổ tụng hành chính. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi của ông Hoàng Văn P và bà Trần Thị L về việc buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/8/2023, người bị kiện UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn P, bà Trần Thị L yêu cầu UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ đời sống và sản xuất cho ông P và bà L đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 36.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 126/2023/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về thẩm quyền:** Ông Hoàng Văn P và bà Trần Thị L yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số: 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B, hủy Công văn số: 38/CV-TTPTQĐ ngày 10/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B và buộc thực hiện hành vi hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì thấy. Quyết định số: 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B, về phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B, nhưng chưa thực hiện việc hỗ trợ, ổn định đời sống và sản xuất, cho ông P bà L đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 36, phía UBND thành phố B cho rằng: thời hạn sử dụng đất của ông P đã hết hạn từ năm 2008 nên hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Tuy nhiên, cấp phúc thẩm xét thấy: Ông P bà L sử dụng thửa đất số 10 do nhận khoán của N, là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất này, nên đủ điều kiện được hỗ trợ về ổn định đời sống và sản xuất, được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; UBND thành phố B cho rằng sau khi hết thời hạn thực hiện hợp đồng nhận khoán đất vào năm 2008; gia đình ông P chiếm trái phép thửa đất số 10 để sử dụng, nên không được hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, nhưng không có căn cứ để chứng minh.

[2.3] Bởi lẽ, sau khi hết thời hạn thực hiện hợp đồng nhận khoán đất, Nông trường 30/4 vẫn tiếp tục để cho gia đình ông P sử dụng thửa đất số 10 và hàng năm gia đình ông P vẫn tiếp tục trả tiền thuê đất cho Nông trường 30/4. Như vậy, các bên có sự thỏa thuận gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, cho đến khi nhà nước thu hồi đất trên thực địa. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P và bà L, hủy một phần Quyết định số: 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B về việc phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B; Buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, cho ông P và bà L, đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 36 theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá khách quan áp dụng đúng pháp luật nên kháng cáo của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, sửa quyết định của án sơ thẩm không có căn cứ.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên Quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số: 126/2023/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã đóng theo biên lai thu số 0004080 ngày 21/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn